

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-PT

Ngày: 11/4/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các thẩm phán: Ông Lương Phước Đại

Bà Phan Thị Hồng Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 460/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Cẩm N**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: C25/DK, tổ A, khu vực Bình Thường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Hồ Thế P**, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số G, đường A, khu dân cư D, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (theo Giấy ủy quyền ngày 05/6/2023).

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Tuấn C**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Lê Trường S**, sinh năm

1988 (Có mặt).

Địa chỉ: 3 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C1 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Ông Hoàng Tuấn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Cẩm N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết, cùng làm ăn trước đó nên vào ngày 22/9/2022, bà Võ Cẩm N có cho ông Hoàng Tuấn C vay số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay tiền, các bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 22/9/2022, được công chứng tại Văn phòng C1. Theo hợp đồng vay tiền thì bà N và ông C thỏa thuận lãi suất cho vay không vượt quá 20%/năm, cụ thể là 1,66%/tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng là ngày 22/9/2022. Bà N đã giao 500.000.000 đồng cho ông C. Khi giao số tiền 500.000.000 đồng cho ông C, bà N không có làm biên nhận riêng vì việc bà N giao tiền vay cho ông C đã được ghi nhận tại mục 3 Điều 2 của hợp đồng vay tiền ngày 22/9/2022: “Bên A (bà Võ Cẩm N) đã giao toàn bộ số tiền vay cho bên B (ông Hoàng Tuấn C) bằng tiền mặt”.

Sau khi nhận tiền vay thì ông C không thanh toán cho bà N tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận. Do đó, bà Võ Cẩm N khởi kiện yêu cầu buộc ông Hoàng Tuấn C thanh toán cho bà N số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 05/6/2023 là 70.273.333 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán dứt nợ.

Bà N xác định chỉ yêu cầu ông Hoàng Tuấn C thanh toán tiền nợ vay, ngoài ra bà N không có yêu cầu thêm ai khác cùng liên đới.

- Theo nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hoàng Tuấn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguyên trước đây, giữa ông Hoàng Tuấn C và bà Võ Cẩm N có hùn tiền lại cho ông Võ Văn Ú, sinh năm: 1960, địa chỉ ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vay để đáo hạn Ngân hàng. Thế nhưng, ông Võ Văn Ú không giải ngân để trả tiền lại cho ông C và bà N. Do vậy, bà N và ông C có thỏa thuận ký hợp đồng vay tiền 500.000.000 đồng được lập tại Văn phòng C1 ngày 22/9/2022. Tuy nhiên, việc ký hợp đồng vay tiền là hình thức dùng để làm tin với nhau về việc giữa ông C và bà

N có hùn tiền cho ông Ú vay. Trên thực tế tiền lãi ghi trong hợp đồng chỉ là hình thức, hoàn toàn không có tính tiền lãi. Do ông Ú không trả được tiền nên bà N cũng thống nhất việc ông C nhận chuyển nhượng đất của ông Ú tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long và giao hết cho ông C. Sau này chuyển nhượng được đất của ông Ú thì sẽ trả lại tiền hùn cho bà N. Thậm chí, thời điểm đó nhiều lần bà N cùng ông C đến nhà ông Ú ở huyện V và biết rõ về giao dịch nhận chuyển nhượng đất giữa ông C và ông Ú. Đến nay, ông Võ Văn Ú không giao đất nên ông C đã khởi kiện ông Ú đến Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long để giải quyết và đang đợi Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Cẩm N thì ông Hoàng Tuấn C không thống nhất. Đồng thời, yêu cầu bà N rút đơn khởi kiện chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi được Tòa án xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho ông C thì sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao tiền lại cho bà N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Thúy K và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Sau khi nhận thông báo của Tòa án, Văn phòng C1 đã tiến hành kiểm tra toàn bộ trình tự, thủ tục và hồ sơ chứng nhận hợp đồng vay tiền số công chứng 3476, quyển số 09/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2022 giữa bên cho vay là bà Võ Cẩm N và bên vay là ông Hoàng Tuấn C. Người yêu cầu công chứng đã cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh về nhân thân phù hợp theo quy định của pháp luật và Công chứng viên thực hiện đúng quy định pháp luật, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật Công chứng năm 2014.

Tại mục 3 Điều 2 của hợp đồng vay tiền ngày 22/9/2022 thể hiện: “Bên A (bà Võ Cẩm N) đã giao toàn bộ số tiền vay cho bên B (ông Hoàng Tuấn C) bằng tiền mặt”, nội dung này là do người yêu cầu công chứng bà N và ông C đề nghị ghi thêm vào hợp đồng vay tiền ngày 22/9/2022. Việc thêm vào nội dung này không vi phạm quy định của pháp luật nên Văn phòng Công chứng thêm vào hợp đồng vay. Còn việc bà N có giao nhận số tiền vay 500.000.000 đồng cho ông C hay không thì Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Thúy K không rõ. Văn phòng Công chứng chỉ công chứng nội dung các bên thỏa thuận vay số tiền 500.000.000 đồng mà không có chứng kiến việc bà N giao tiền vay cho ông C.

Văn phòng C1 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Cẩm N. Đồng thời, Văn phòng C1 cũng có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 164/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn Hoàng Tuấn C trả cho nguyên đơn Võ Cẩm N số tiền 549.800.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi là 49.800.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, ông Hoàng Tuấn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết gồm: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn - ông Võ Hồ Thế P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với Bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn - ông Lê Trường S: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đại diện bị đơn trình bày như sau: phía bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn 500.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền này. Tuy nhiên, đại diện bị đơn cho rằng số tiền bị đơn nhận là tiền nguyên đơn góp vốn kinh doanh. Đây là tiền nguyên đơn cho bị đơn để đáo hạn khoản nợ vay của ông Võ Văn Ú ở ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long tại Ngân hàng E. Tuy trong hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Thúy K ghi là vay, nhưng không nói rõ lãi bao nhiêu. Sự thật không phải hợp đồng vay tài sản mà chỉ là hợp đồng giả cách giữa ông C với bà N nên không có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ở cấp sơ thẩm cũng không triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Ú, người làm chứng ông Nguyễn Văn T để làm rõ. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn: sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đương sự kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên kháng cáo của các đương sự là hợp lệ về hình thức.

+ Về nội dung: Giữa nguyên đơn bà Võ Cẩm N và bị đơn ông Hoàng Tuấn C có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1. Bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn 500.000.000 đồng. Chưa có căn cứ gì cho thấy bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này và bị đơn cũng không chứng minh được đây là tiền góp vốn của nguyên đơn và bị đơn để thực hiện một giao dịch khác.

Cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tài sản và buộc bị đơn trả vốn lãi số tiền trên là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí kháng cáo là đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ về mặt hình thức.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn là ông Hoàng Tuấn C:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Cẩm N:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 1 của hợp đồng vay tiền lập ngày 22/9/2022 có thể hiện nội dung: *“Bà Võ Cẩm N (Bên A) đồng ý cho ông Hoàng Tuấn C (Bên B) vay số tiền 500.000.000 đồng và bên B đồng ý vay của bên A số tiền 500.000.000 đồng”*. Đồng thời, tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền có thể hiện nội dung: *“Bên A đã giao toàn bộ số tiền vay cho bên B bằng tiền mặt”* và tại Điều 3 của hợp đồng vay tiền còn thể hiện nội dung: *“Bên B phải trả toàn bộ gốc và lãi cho bên A sau khi kết thúc thời hạn vay, bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản”*. Bên cạnh đó, đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Thúy K còn trình bày tại mục 3 Điều 2 của hợp đồng vay tiền ngày 22/9/2022 thể hiện nội dung: *“Bên A đã giao toàn bộ số tiền vay cho bên B bằng tiền mặt”*,

nội dung này là do người yêu cầu công chứng bà Võ Cẩm N và ông Hoàng Tuấn C đề nghị ghi vào hợp đồng vay tiền. Bị đơn ông Hoàng Tuấn C cho rằng việc lập hợp đồng vay tiền chỉ là hình thức dùng để làm tin về việc giữa ông C và bà N có hùn tiền để cho người khác vay nhưng bị đơn không có gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ các căn cứ nêu trên cho thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 22/9/2022, nguyên đơn có cho bị đơn vay và đã giao số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bị đơn chưa thanh toán tiền vay gốc cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Căn cứ theo Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền vay gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 22/9/2023 với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng chưa thanh toán là 49.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất không quá 20%/năm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi 49.800.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ vay gốc chưa thanh toán tính từ ngày 22/9/2022 đến ngày 22/9/2023 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã có lợi cho bị đơn.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Cẩm N yêu cầu buộc bị đơn ông Hoàng Tuấn C trả nợ vay gốc và lãi với số tiền 549.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Tuấn C: Ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chưa khách quan và chưa phù hợp quy định pháp luật, nhưng ông cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đây là hợp đồng hùn vốn mà các chứng cứ chứng minh đây là hợp đồng vay tài sản giữa các bên. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Do nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bị đơn ông Hoàng Tuấn C trả tiền nợ vay gốc và lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bị đơn.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

[5.1] Án phí sơ thẩm: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Tuấn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2023/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Hoàng Tuấn C trả cho nguyên đơn bà Võ Cẩm N số tiền 549.800.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi là 49.800.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về phần án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Võ Cẩm N được nhận lại 13.406.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003300 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn Hoàng Tuấn C phải chịu 25.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Hoàng T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí và được trừ vào tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số 0003485 ngày 06/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Cái Răng;
- Chi cục THADS Q . Cái Răng;
- Lưu: (HS - 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Bình